TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/KDTM-PT
Ngày: 06 - 05 - 2022
V/v *Tranh chấp hợp đồng gửi giữ cà phê và vay tiền*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sâm
Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Tú
Ông Trần Duy Phương
- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2022/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng gửi giữ cà phê và vay tiền"*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2022/KDTM-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng công ty A; địa chỉ: THL, phường X, quận Y, Tp. Z;
Đại diện theo ủy quyền: Chi nhánh Tổng Công ty A – Công ty cà phê B;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L - Giám đốc;
Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Trần Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: THĐ, phường AL, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tô Tiến D, luật sư thuộc văn phòng luật sư LM – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk, có mặt

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S) và bà Nguyễn Thị Thùy M (Nguyễn Thị M); địa chỉ: thđ, phường AL, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
Người đại diện theo ủy quyền của ông S, bà M: Ông Phan Ngọc N1; địa chỉ: Thôn J, xã CB, Tp. BM, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt;

2.2. Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1964; địa chỉ: THĐ, phường AL, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Kng Trọng Như S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Năm 1998 đến năm 2000, Công ty cà phê B (Sau đây gọi tắt là Công ty) với chức năng xuất khẩu Cà phê, mục tiêu đạt doanh số lớn, hiệu quả cao đã cho người dân nói chung và khách hàng trên địa bàn nói riêng nhập (gửi) cà phê nhân xô vào kho công ty và ứng (vay) số tiền tương ứng là 70% giá trị lô hàng tại thời điểm. Trong số khách hàng của Công ty có ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S), bà Nguyễn Thị Thùy M (Nguyễn Thị M) và ông Huỳnh Văn K đã nhập 12 lần cà phê với số lượng 142.460,70 kg cà phê nhân xô và đã ứng 1.132.000.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng), số hàng và số tiền trên được hai bên thừa nhận tại các văn bản sau:

- Bảng công nợ và kho thu mua, ngày 30/7/2000 mà đại diện là bà M đã ký đã thừa nhận tính đến ngày 20/7/2000, ông S, bà M và ông K còn nợ Công ty số tiền là 1.240.908.033đ (Một tỷ hai trăm bốn mươi triệu chín trăm lẻ tám nghìn không trăm ba mươi ba đồng) và còn gửi tại Công ty số lượng cà phê là 142.459,70 kg cà phê nhân xô.

- Tại biên bản hòa giải thành ngày 26/5/2006, ông S, bà M và ông K cũng đã thừa nhận vợ chồng ông S, bà M có vay của Công ty nhiều đợt, số tiền vay là 1.132.000.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng) (bao gồm cả phiếu mà ông K ký tên nhận vay của Công ty. Khi vay thỏa thuận lãi suất từ 0,9% đến 1,1%/tháng, nhưng không thỏa thuận thời hạn thanh toán.

+ Tại các phiếu gửi cà phê nhân, phiếu chi ứng từ 02/12/1998 đến 20/01/2000, ông K là người đại diện cho cả 3 người đã vay số tiền là 1.132.000.000 đồng với lãi suất từ 0,9%/tháng đến 1,1%/tháng. Quá trình giữa hai bên có đối trừ giữa số cà phê gửi và số tiền vay ứng, cụ thể ngày 25/4/2005 ông K có cùng công ty lập "Biên bản cân đối công nợ". Nên Công ty chúng tôi nghĩ rằng việc gửi cà phê và ứng vay tiền hai bên đã xong trong đó có 142.460,7kg cà phê nhân xô đã thực hiện xong. Hồ sơ đã tất toán và ông S, bà M không có ý kiến tại thời điểm này. Tuy nhiên, bản chất của vụ việc không như các bên đã xác lập ưng thuận, mà có việc ông S, bà M cho rằng số cà phê 142.460,7 kg là của ông bà, sau đó lại cho rằng 80.539,5 kg ... dựa vào số phiếu ghi tên ông S, bà M. Qua nhiều lần xét xử trước đó thì các bản án đều không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S. Tuy nhiên, tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ và Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 11/2020/KDTM-PT ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk lại chấp nhận buộc Tổng công ty A trả cho ông S, bà M số cà phê 80.539,5 kg cà phê nhân xô. Tại mục 2 phần Quyết định của Tòa phúc thẩm có nêu *"Tách khoản tiền vay mà vợ chồng ông S, bà M cho rằng vay của ông K sau khi ông K ký nhận số tiền vay của Công ty cà phê B thuộc Tổng Công ty A, và tách khoản tiền vay tương ứng với số lượng cà phê mà vợ chồng ông S, bà M và ông K giao dịch gửi giữ cà phê và vay tiền của Công ty cà phê B thuộc Tổng công ty A, thành vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu"*

Đối với nội dung tuyên buộc Công ty chúng tôi phải trả cho ông S, bà M 80.539,5 kg cà phê, nội dung này chúng tôi không chấp nhận. Chúng tôi cũng đã làm đơn kiến nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tuy nhiên, đến nay chưa có kết

quả. Vậy, quyền lợi của ông S bà M thì được Tòa án giải quyết còn quyền lợi của công ty chúng tôi thì chưa.

Từ nội dung trên, nay Chi nhánh Tổng công ty A - Công ty cà phê B khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông S, bà M và ông K có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty tổng số tiền là: 4.138.050.833đ *(Bốn tỷ một trăm ba mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).* Trong đó tiền gốc 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng),* lãi suất theo quy định từ năm 1998 đến năm 2000. Cụ thể 01/8/2000 đến nay 04/01/2022 với tổng số tiền là: 3.006.050.833đ *(Ba tỷ không trăm không sáu triệu không trăm năm mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng),* về thời hiệu khởi kiện do bị đơn yêu cầu là không đúng vì thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Công ty vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Bị đơn ông Huỳnh Văn K trình bày:

Từ tháng 12/1998 đến tháng 01/2000 tôi trực tiếp gửi cà phê cho Công ty 16 lần và cũng 16 lần vay tiền tương ứng 70% giá trị của số cà phê gửi giữ. Trong 16 phiếu gửi cà phê thì có 04 phiếu mang tên tôi, 07 phiếu mang tên bà M, 05 phiếu mang tên ông S, tất cả các phiếu gửi cà phê và giấy ứng tiền vay, tiền này tôi đều giao cho ông S, bà M giữ, sau đó tôi đã trực tiếp thanh toán với Công ty 04 phiếu (Trong đó có 03 phiếu mang tên bà M, 01 phiếu mang tên ông S), qua 02 bảng cân đối nợ ngày 23/4/1999 còn lại 12 phiếu vẫn do ông S, bà M cất giữ, theo tài liệu (Công nợ và kho thu mua) của Công ty ngày 30/7/2000 bà M và Công ty đã lập biên bản đối chiếu có nội dung tổng hợp 16 lần nhập gửi cà phê và 16 lần ứng tiền và đã thanh toán 04 phiếu còn lại 12 phiếu có trọng lượng cà phê là 142,459,70 kg cà phê, số tiền nợ kể cả lãi 1.240.908.033đ *(Một tỷ hai trăm bốn mươi triệu chín trăm lẻ tám nghìn không trăm ba mươi ba đồng),* như vậy căn cứ biên bản lập ngày 30/7/2000 thì bà M xác nhận có lượng cà phê gửi là 142,459,70 kg và nợ tiền là 1.240.908.033đ *(Một tỷ hai trăm bốn mươi triệu chín trăm lẻ tám nghìn không trăm ba mươi ba đồng).* Việc này được ông S, bà M khẳng định tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2006 và tại biên bản hoà giải về sự thoả thuận của các đương sự ngày 26/5/2006 do ông Phan Ngọc N1 ký. Ngày 30/5/2006 ông S, bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện đòi công ty cà phê B trả 80.539,5kg cà phê và xác định chỉ vay nợ 95.000.000đ và lãi suất, yêu cầu này không được Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận, ngày 03/8/2007 ông S, bà M kháng cáo. Tại phiên toà phúc thẩm ngày 15/11/2007 của Toà phúc thẩm toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng (Bản án số 09/2007/DSST) ông S, bà M vẫn cho rằng tôi chỉ là người làm công và công nhận đã nhận 1.132.000.000đ do tôi đưa cho với nhiều lần xác định như vậy thì có đủ cơ sở pháp lý khẳng định ông S, bà M đã nhận 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng)* của Công ty cà phê B do tôi giao cho. Lý do tôi thanh toán với công ty cà phê B năm 2003 và 2005 sau ngày 30/7/2000 mà bà M và Công ty cà phê B lập biên bản (Công nợ và kho thu mua) Công ty cà phê B đã nhiều lần yêu cầu ông S, bà M thanh toán nhưng 02 người cố tình không xuống chốt giá và quyết toán lượng cà phê còn lại theo các phiếu gửi cà phê và giấy vay tiền mà công ty đang lưu giữ, vì trước đó tôi đã thanh quyết toán với công ty 02 lần (Lần 01 năm 2003, lần 2 năm 2005) và hiện còn gửi Công ty cà phê B 6.770,l kg cà phê.

Bản án số 11/2020/KDTM-PT ngày 24/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xử buộc Công ty cà phê B trả ông S, bà M 80.539,5kg cà phê nhân xô là trả lần 2 vì trước đó tôi đã thanh toán lượng cà phê này (Theo biên bản công nợ và kho thu mua đã ghi tên 03 người: S, M, K nên Công ty cà phê B mới gọi tôi lên quyết toán). Vì Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử buộc Công ty cà phê B trả ông S, bà M 80.539,5kg cà phê nhân xô nên mới có việc Công ty cà phê B khởi kiện đòi số tiên đã cho vay. Nay Công ty cà phê B khởi kiện đòi ông Kng Trọng Như S (Kng Trọng S), bà Nguyễn Thị Thùy M (Nguyễn Thị M) và ông Huỳnh Văn K có trách nhiệm liên đới trả cho công ty tổng số tiền là: 4.138.050.833 đồng. Trong đó tiền gốc 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng),* lãi suất theo quy định từ năm 1998 đến năm 2000. Cụ thể 01/8/2000 đến nay 04/01/2022 với tổng số tiền là: 3.006.050.833đ (Ba tỷ không trăm không sáu triệu không trăm năm mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng) thì tôi không đồng ý vì thuộc nghĩa vụ của ông S và bà M vì tôi đã giao số tiền trên cho ông S, bà M.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Hoàng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thuỳ M: Ông Phan Ngọc N1 trình bày.

Từ năm 1998 đến năm 2000, vợ chồng ông S, bà M cùng với ông Huỳnh Văn K có quan hệ mua bán cà phê với Công ty cà phê B theo phương thức: Công ty cà phê B cho ông S, bà M và ông K vay tiền với lãi suất từ 0,9 - 1,1%/ tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Người vay phải mua cà phê về nhập kho Công ty. Khi nào giá cà phê bảo đảm có lãi, ông S, bà M, ông K và Công ty sẽ thoả thuận giá cà phê tại thời điểm và chốt giá, hai bên đối chiếu công nợ và bù hoàn cho nhau. Việc thoả thuận không lập thành văn bản mà chủ yếu theo thông lệ mua bán cà phê tại địa phương. Quá trình mua bán vay tiền với nhau, ông S, bà M và ông K vay của Công ty cà phê B số tiền là 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng)* và nhập kho công ty 142.460,70kg cà phê nhân xô. (Ngày nhập kho cuối cùng là 10/01/2000).

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16/6/2021, Công ty cà phê B xác định "ông Hoàng Trọng Như S, bà M và ông Huỳnh Văn K đã nhập kho của công ty 12 lần với số lượng 142.460,7kg cà phê nhân xô và đã ứng 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng),* số tiền và số cà phê 02 bên đều thừa nhận.". Yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Huỳnh Văn K trả nợ gốc là 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng) và* lãi suất.

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, ông S bà M xác định: Trong 12 phiếu nhập cà phê, ông S đứng tên 08 phiếu, ông K đứng tên 04 phiếu, số lượng cà phê trong 12 phiếu là 142.460,7 kg, trong 08 phiếu đứng tên ông S bà M có số lượng 80.359,5kg là đúng.

Đối với số tiền vay của Công ty 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng),* mà Công ty yêu cầu Toà án buộc ông S bà M và ông K phải trả cho Công ty cộng lãi phát sinh. Ông S, bà M trình bày:

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 26/5/2006 tại TAND huyện Krông Búk, ông K khai "Trước đây tôi và bà Nguyễn Thị M có làm ăn chung … tôi và bà M gửi tổng cộng 142.460,7kg và ứng của công ty 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng)...* Nay ông S, bà M yêu cầu công ty phải trả số cà

phê nói trên và thanh toán tiền lãi thì tôi đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và không có ý kiến gì". Theo sự thống nhất này, thì ông S, bà M có quyền yêu cầu phía Công ty phải trả cho ông S, bà M (cả phần ông K) số cà phê nhân xô là 142.600,7 kg. Ông S, bà M có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền vay của Công ty mà họ cùng vay là 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng)* và tiền lãi với thỏa thuận, sau khi đòi nợ được, ông S với ông K sẽ tính toán cụ thể phần được hưởng cũng như nghĩa vụ của mỗi bên. Như vậy, ông K đồng ý để ông S, bà M lấy giá trị 61.912,2 kg đứng tên ông K để trả thay cho ông K số tiền mà ông K trực tiếp nhận của công ty là 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng).*

Trong số tiền 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai trệu đồng)* mà ông K trực tiếp ký và trực tiếp nhận tại Công ty, ông S bà M khai: Do lúc bấy giờ ông K không có vốn kinh doanh, nên ông K xin ông S, bà M, đối với toàn bộ số tiền vay được của Công ty cho ông K sử dụng và ông K sẽ có nghĩa vụ trả lại cho Công ty khi đối chiếu khấu trừ cà phê gửi. Do ông K cũng có cà phê gửi kho và do tình nghĩa với nhau, nên ông S bà M đồng ý. Sau khi ông K vay tiền của Công ty, bà M ông S có vay lại của ông K số tiền 95.000.000 đồng. Nay phía Công ty khởi kiện đòi nợ, ông S bà M không thừa nhận đã nhận tiền vay từ Công ty mà ông bà chỉ thừa nhận có vay lại của ông K, nếu ông K khởi kiện yêu cầu trả lại 95.000.000 đồng này, ông S bà M đồng ý.

Do đó, việc Công ty khởi kiện yêu cầu ông S, bà M và ông K có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty tổng số tiền là: 4.138.050.833 đồng. Trong đó tiền gốc 1.132.000.000đ, lãi suất theo quy định từ năm 1998 đến năm 2000. Cụ thể 01/8/2000 đến nay 04/01/2022 với tổng số tiền là: 3.006.050.833đ. Ông S bà M có ý kiến như sau:

Tại các bản tự khai, đơn trình bày và tại các phiên toà của TAND thị xã Buôn Hồ và TAND tỉnh Đắk Lắk (nguyên đơn kèm theo đơn kiện), ông K đều khai: Ông K là người ký các phiếu gửi cà phê và vay tiền của Công ty cà phê B. Việc ông K vay của Công ty cà phê B số tiền 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng)* này hoàn toàn không liên quan gì đến ông S, bà M. Cụ thể:

+ Tại "phiếu gửi cà phê nhân" số 77 ngày 07/12/1998 người gửi là bà M số lượng 3.536kg và vay lại 50 triệu đồng. Người ký nhận tiền vay ông Huỳnh Văn K

+ Tại phiếu gửi cà phê nhân số 118 ngày 22/12/1998 mang tên bà M gửi 3371,2 kg và vay lại 48 triệu đồng. Người ký nhận tiền là ông Huỳnh Văn K.

+ Tại phiếu gửi cà phê nhân số 697 ngày 22/01/1999 mang tên bà M gửi 3.705,5 kg và vay lại 50 triệu đồng. Người ký nhận tiền là ông Huỳnh Văn K

+ Tại phiếu gửi cà phê nhân số 254 ngày 31/12/1998 mang tên bà M gửi 3151,5 kg và vay lại 45 triệu đồng. Người ký nhận tiền là ông Huỳnh Văn K

+ Tại Biên nhận cà phê nhân số 307 ngày 10/01/2000 mang tên Hòang Trọng S số lượng cà phê là 25.634 kg và vay vốn 200 triệu đồng. Người ký nhận tiền là ông Huỳnh Văn K

+ Tại Biên nhận cà phê nhân số 73 ngày 28/12/1999 mang tên Hòang Trọng S số lượng cà phê là 11.018,2kg và vay vốn 95 triệu đồng.

+ Tại Biên nhận cà phê nhân số 83 ngày 30/12/1999 mang tên Hòang Trọng S số lượng cà phê là 13.337,1 kg và vay vốn 25 triệu đồng chữ ký người nhận là K.

+ Tại Biên nhận cà phê nhân số 174 ngày 07/01/2000 mang tên Hòang Trọng S số lượng cà phê là 17.543,6 kg và vay vốn 140 triệu đồng. Người nhận ký là Huỳnh Văn K. Và 4 phiếu mang tên ông Huỳnh Văn K do ông K cất giữ.

Như vậy, căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thì toàn bộ 12 phiếu vay tiền này đều do ông Huỳnh Văn K là người trực tiếp ký và nhận tiền tại Công ty và tự sử dụng không liên quan đến ông S, bà M. Tại văn bản không số ngày 10/6/2014 do Công ty gửi Toà án và Viện Kiểm sát thị xã B (bút lục số 60) cũng đã thừa nhận lời khai nại của ông K. Cụ thể Công ty xác định: "Tháng 01/2003, ông K chốt giá bán 40.387,3 kg và trả cho công ty 428.107.893 đồng (Bao gồm cả vốn và lãi); tháng 4/2005, ông K tiếp tục bán 95.303,1 kg trả cho công ty 1.445.104.600 đồng (Bao gồm cả gốc và lãi).

Tổng cộng ông K đã trả xong cả vốn vay và lãi phát sinh cho Công ty cà phê B là 1.873.212.493 đồng, số cà phê còn lại 6.770,1 kg ông K gửi tại Công ty cà phê B".

Quá trình giải quyết vụ án từ năm 2006 đến nay, phía Công ty và ông K đều khai nhận số tiền 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng)* vay của Công ty đều do ông K trực tiếp ký nhận trực tiếp nhận tiền, kể cả các phiếu chi tiền ký tên bà M. Toàn bộ số tiền trên không liên quan gì đến ông S, bà M.

Lời khai của ông K và Công ty hoàn toàn phù hợp với phù hợp với các kết quả giám định các chữ ký trên 12 phiếu nhận tiền của Công ty đều do ông K ký ra. Cụ thể:

Tại các Thông báo số 07 ngày 13/8/2015, Thông báo số 07 ngày 28/9/2015 của TAND thị xã Buôn Hồ về kết quả giám định và kết quả giám định bổ sung đều có kết quả: "Toàn bộ chữ ký, chữ viết tại các phiếu ký nhận tiền mang tên Huỳnh Văn K và M đều do ông Huỳnh Văn K viết, ký nhận".

Tại 12 bản án của 2 cấp Tòa án gồm: Bản án số 03 ngày 03/8/2007 của TA tỉnh Đắk Lắk, bản án số 09 ngày 15/11/2007 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Bản án số 02 ngày 08/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, Bản án số 04 ngày 13/7/2008 của Tòa án Đắk Lắk, Bản án số 02 ngày 30-9-2015 của Tòa án B, Bản án số 08 ngày 07/6/2016 của Tòa án tỉnh Đắk Lắk, Bản án số 01 ngày 04/5/2018 của Tòa án thị xã B, Bản án số 12 ngày 08/11/2018 của Tòa án tỉnh Đắk Lắk, Bản án số 04 ngày 11/11/2019 của TAND thị xã Buôn Hồ, Bản án số 04 ngày 28/4/2020 của TA tỉnh Đắk Lắk, Bản án số 01 ngày 13/7/2020 của TAND thị xã Buôn Hồ và Bản án số 11 ngày 24/9/2020 của TAND tỉnh Đắk Lắk phía Công ty và ông K đều thừa nhận: Toàn bộ số tiền 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng)* vay của Công ty đều do ông K trực tiếp ký và trực tiếp nhận tiền, kể cả các phiếu chi tiền ký tên bà M. Toàn bộ số tiền trên không liên quan gì đến ông S, bà M.

Còn tại văn bản không số ngày 10/6/2014 của Công ty, phía Công ty cũng đã thừa nhận lời khai nại của ông K. Cụ thể Công ty xác định: "Tháng 01/2003, ông K chốt giá bán 40.387,3kg và trả cho công ty 428.107.893 đồng (Bao gồm cả

vốn và lãi); tháng 4/2005 ông K tiếp tục bán 95.303,1 kg trả cho công ty 1.445.104.600 đồng (bao gồm cả gốc và lãi). Tổng cộng ông K đã trả xong cả vốn vay và lãi phát sinh cho công ty là 1.873.212.493 đồng. Số cà phê còn lại 6.770,1 kg ông K gửi tại công ty".

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS thì "Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".

Như vậy, có căn cứ xác định việc Công ty nhận gửi cà phê của ông S, bà M với ông K số lượng là 142.600,7kg và Công ty trực tiếp cho ông K vay 1.132.000.000đ là đúng. Tuy nhiên, ông K là người ký nhận tiền và đã trả xong nợ cho Công ty, Công ty cũng đã thừa nhận bằng văn bản tại 12 phiên tòa từ sơ thẩm đến phúc thẩm của Tòa án thị xã B và của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Do vậy, việc Công ty khởi kiện yêu cầu ông S, bà M và ông K trả cho Công ty số tiền 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng)* và tiền lãi là không có căn cứ.

Trong số tiền 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng)* mà ông K vay của Công ty, ông S, bà M không vay, không nhận tiền, không liên quan số tiền này như Công ty và ông K thừa nhận. Ông S, bà M công nhận, sau khi ông K vay tiền, ông S bà M có vay lại từ ông K số tiền 95.000.000 đồng. Do ông K đã trả nợ vay cho Công ty, nên nếu ông K khởi kiện yêu cầu ông S, bà M trả lại số tiền này, ông S, bà M đồng ý trả cho ông K 95.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện của Công ty ghi ngày 16/6/2021, thì giao dịch vay tiền gửi cà phê giữa Công ty với ông K từ năm 1998, đến năm 2000, đến ngày nộp đơn khởi kiện là hơn 21 năm. Tại văn bản không số ngày 26/5/2006 của Công ty gửi TAND huyện Krông Búk, Công ty xác định *"Thời hạn của các hợp đồng vay không quá 9 tháng và không quá 12 tháng"*. Như vậy, theo Điều 429 BLDS, thì thời hiệu khởi kiện không còn.

Vì lý do trên, với tư cách là người được ông S, bà M uỷ quyền, tôi đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của Công ty về việc yêu cầu ông S, bà M trả nợ như đơn kiện. Đồng thời, áp dụng Điều 429 quy định về thời hiệu khởi kiện và điểm e khoản 1 Điều 217 BLTTDS đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho Công ty với lý do hết thời hiệu khởi kiện

Tại bản án số 01/2022/KDTM-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 326; 471; 473; 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng công ty A.

Buộc ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S), bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Huỳnh Văn K có nghĩa vụ liên đới trả tiền theo phần cho Tổng công ty A

số nợ gốc 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mười hai triệu đồng)* và lãi suất 0,9%/tháng tính từ ngày 30/7/2000 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/01/2022, tính tròn 257 tháng. Nghĩa vụ liên đới cụ thể như sau:

Ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S), bà Nguyễn Thị Thùy M có nghĩa vụ liên đới trả cho Tổng công ty A tổng số tiền: 2.120.210.230đ *(Hai tỷ một trăm hai mươi triệu hai trăm mười nghìn hai trăm ba mươi đồng).* Trong đó nợ gốc: 639.966.867 đồng, tiền lãi suất: 1.480.243.363 đồng.

Ông Huỳnh Văn K có nghĩa vụ trả cho Tổng công ty A tổng số tiền: 1.630.105.769đ *(Một tỷ sáu trăm ba mươi triệu một trăm lẻ năm nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng).* Trong đó nợ gốc 492.033.133 đồng, tiền lãi suất: 1.138.072.636 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/01/2022, bị đơn ông Hoàng Trọng Như S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 04/01/2022 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Hoàng Trọng Như S giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; nguyên đơn Tổng công ty A giữ nguyên đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự bác kháng cáo của ông Hoàng Trọng Như S, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, bị đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Hoàng Trọng Như S cho rằng số tiền 1.132.000.000 đồng mà Công ty cà phê B cho vay thì ông K là người trực tiếp ký nhận toàn bộ số tiền này, không liên quan gì đến ông S, bà M, HĐXX xét thấy:

Lời khai của bị đơn ông S bà M cũng như đại diện theo ủy quyền của ông S bà M tại cấp sơ thẩm cũng như tại đơn kháng cáo đều thừa nhận từ năm 1998 đến năm 2000 vợ chồng ông S cùng với ông K có quan hệ mua bán cà phê với

công ty cà phê B theo phương thức: Công ty sẽ cho ông S bà M, ông K vay tiền với lãi suất từ 0,9-1,1%/tháng, đồng thời người vay phải nhập cà phê cho Công ty.

Công ty cà phê hoạt động theo phương thức: Khi khách hàng gửi cà phê vào kho Công ty thì Công ty sẽ cho người gửi vay số tiền tương ứng với 70% giá trị cà phê đã gửi, lãi suất từ 0,9 đến 1,1%/tháng. Công ty chỉ cho khách nhập cà phê vay tiền, số tiền được vay là căn cứ vào số lượng cà phê nhập vào kho, số cà phê nhập kho là tài sản cầm cố đảm bảo cho việc vay tiền.

Căn cứ bản "Công nợ và kho thu mua Hoàng Trọng S và Nguyễn Thị M + Huỳnh Văn K tính đến ngày 20 tháng 7 năm 2000" lập ngày 30/7/2000 (Bút lục số 27), Bà M và Công ty đã lập biên bản đối chiếu có nội dung tổng hợp 16 lần nhập gửi cà phê và 16 lần ứng tiền và đã thanh toán 04 phiếu, còn lại 12 phiếu có trọng lượng là 142,459,70 kg cà phê, số tiền nợ gốc và lãi 1.240.908.033đ.

Ông S bà M cũng đã thừa nhận đã nhập cho Công ty số lượng 80.539,5 kg cà phê.

Thấy rằng, theo như quan hệ vay tiền – nhập cà phê giữa Công ty với vợ chồng ông S và ông K thì ông S bà M đã nhập số lượng 80.539,5 kg cà phê cho công ty và được vay số tiền tương ứng như trong 08 phiếu nhập cà phê mang tên ông S bà M.

Tại Bản án số 11/2020/KDTM-PT ngày 24/9/2020 của TAND tỉnh Đắk Lắk đã tuyên buộc Công ty cà phê phải trả cho ông S bà M số lượng 80.539,5 kg. Nên ông S bà M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty cà phê số tiền đã vay tương ứng với số lượng cà phê đã nhập là có căn cứ.

Như vậy, dù ông K là người ký nhận trong các phiếu nhập kho và vay tiền của Công ty nhưng căn cứ vào các nhận định trên khẳng định ông S bà M đã nhập số lượng 80.539,5 kg cà phê cho công ty và được vay số tiền tương ứng như trong 08 phiếu nhập cà phê mang tên ông S bà M. Cấp sơ thẩm buộc ông Kng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Huỳnh Văn K có nghĩa vụ liên đới trả tiền theo phần cho Tổng công ty A số nợ gốc 1.132.000.000đ và tiền lãi là chính xác.

Vì vậy kháng cáo của ông S cho rằng số tiền 1.132.000.000 đồng mà Công ty cà phê B cho vay thì ông K là người trực tiếp ký nhận toàn bộ số tiền này, không liên quan gì đến ông S, bà M là không có căn cứ - Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

[3] Về án phí KDTM phúc thẩm: Vì không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn ông Hoàng Trọng Như S phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Trọng Như S

Giữ nguyên Bản án KDTM sơ thẩm số: 01/2022/KDTM-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của TAND thị xã Buôn Hồ.

[2] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng công ty A.

Buộc ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S), bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Huỳnh Văn K có nghĩa vụ liên đới trả tiền theo phần cho Tổng công ty A số nợ gốc 1.132.000.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng)* và lãi suất 0,9%/tháng tính từ ngày 30/7/2000 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/01/2022, tính tròn 257 tháng. Nghĩa vụ liên đới cụ thể như sau:

Ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S), bà Nguyễn Thị Thùy M có nghĩa vụ liên đới trả cho Tổng công ty A tổng số tiền: 2.120.210.230đ *(Hai tỷ một trăm hai mươi triệu hai trăm mười nghìn hai trăm ba mươi đồng).* Trong đó nợ gốc: 639.966.867 đồng, tiền lãi suất: 1.480.243.363 đồng.

Ông Huỳnh Văn K có nghĩa vụ trả cho Tổng công ty A tổng số tiền: 1.630.105.769đ *(Một tỷ sáu trăm ba mươi triệu một trăm lẻ năm nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng).* Trong đó nợ gốc 492.033.133 đồng, tiền lãi suất: 1.138.072.636 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2.1] Về án phí KDTM sơ thẩm: Ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S), bà Nguyễn Thị Thùy M phải chịu 74.404.000đ *(Bảy mươi bốn triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng)* án phí KDTM sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn K phải chịu 60.903.173đ *(Sáu mươi triệu chín trăm lẻ ba nghìn một trăm bảy mươi ba đồng)* án phí KDTM sơ thẩm.

Hoàn trả cho Tổng công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.729.000 đồng *(ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/0007204 ngày 08/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

[2.2] Án phí phúc thẩm: Ông Hoàng Trọng Như S được miễn án phí KDTM phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tx. Buôn Hồ;
- Chi cục THADS Tx. B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Đã ký

Nguyễn Ngọc Sâm